

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2026

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Út
2. Bà Trần Thị Tuyết Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 460/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh ngày 01/01/1980. CCCD số: 086180003995. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ tạm trú: B53, khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1980. CCCD số 086080014796. Địa chỉ: Số B, ấp B, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ tạm trú: B53, khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như biên bản không tiến hành hoà giải nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2004, bà T và ông P ở cùng quê nên có quen biết, tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân. Bà T và ông P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 vào ngày 10/02/2004.

Sau khi kết hôn vợ chồng về bên nhà bà T sinh sống, sau đó vợ chồng thuê nhà trọ sống tại địa chỉ B, khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Ông P tính tình thay đổi và không còn quan tâm đến gia đình, sống không chung thủy và đã có mối quan hệ khác ở ngoài. Sau khi bà T biết sự việc thì ông P có nhận lỗi và hứa hẹn sẽ sửa đổi, nhưng lại không thay đổi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống hôn nhân.

Hiện nay bà Trần Thị T không còn sống chung với ông P, bà ở nhà trọ ông P ở riêng, bà và ông P đã ly thân với nhau từ tháng 7/2025 cho đến nay. Bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông P nên, bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/11/1998 và Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 18/3/2007. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 04/8/2026 với lý do bận công việc không thể tham dự phiên tòa được, bà không khiếu nại gì về sau. Trong đơn, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Thanh P, không bổ sung hay thay đổi khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập ông P đến Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, ông P không đến và không gửi bản khai ý kiến gì về việc bà T yêu cầu ly hôn với ông, do bị đơn đã triệu tập 02 lần không đến, căn cứ Điều 220, 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt, vì có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập họp lệ thông báo niêm yết công khai theo quy định pháp luật 02 lần đến Tòa án tham dự phiên tòa xét xử, ông P không đến vẫn vắng mặt. Bà Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh P.

[1.2] Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Nguyễn Thanh P đăng ký hộ khẩu thường trú tại số B, ấp B, xã A, tỉnh Vĩnh Long và địa chỉ tạm trú tại B, khóm C, phường L, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh long, được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T có kết hôn với ông Nguyễn Thanh P, sau đó cả hai đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 10/02/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Trần Thị T có lời trình bày vợ chồng chung sống bất đồng ý kiến, ông P không quan tâm đến bà và ông P có người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, bà đã ra ngoài sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, bà T vắng mặt, vì có đơn vắng mặt, ông P vắng mặt không rõ lý do.

Xét hôn nhân giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh P1 đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, đã vi phạm nghiêm trọng tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 18/3/2007 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/11/1998. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.
2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 18/3/2007 và

Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/11/1998. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về con chung

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0010712 ngày 02/6/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn Trần Thị T và bị đơn ông Nguyễn Thanh P vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết công khai tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, Điều 36, thời hiệu thi hành án thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025./.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

.....

Võ Thị Hồng Đ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (*Ủy ban nhân dân xã An Bình, tỉnh Vĩnh Long*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp

